

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành theo Quyết định số 2423/QĐ-ĐHCT ngày 05 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Ngành: **Sư phạm Địa lý** (Geography Teacher Education)
Thời gian đào tạo: 4 năm
Đơn vị quản lý: Bộ môn Sư phạm Địa lý, Khoa Sư phạm

Mã ngành: 7140219
Danh hiệu: Cử nhân

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý trình độ đại học đào tạo sinh viên trở thành người giáo viên Địa lý có năng lực giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học chất lượng cao tại các trường phổ thông trung học và các cơ sở giáo dục; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành, phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia; có khả năng hội nhập quốc tế, phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; thích nghi tốt với môi trường giáo dục; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ Nhân dân; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

1.2 Mục tiêu cụ thể

a. Trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, xã hội và tâm lý, kỹ năng mềm, sáng tạo và khởi nghiệp, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, ngoại ngữ, công nghệ thông tin làm nền tảng để học tập các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành;

b. Trang bị cho sinh viên các hiểu biết cơ bản về toán học, trắc địa - bản đồ, khoa học Trái Đất, địa lý kinh tế - xã hội; về tâm lý sư phạm, giáo dục và quản lý hành chính trong giáo dục, kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm và nghiên cứu khoa học giáo dục làm cơ sở để học tập, nghiên cứu chuyên sâu trong chuyên ngành Sư phạm Địa lý;

c. Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết chuyên sâu về địa lý tự nhiên, địa ký kinh tế - xã hội, chương trình và phát triển chương trình địa lý phổ thông, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh; rèn luyện thành thạo các kỹ năng tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm, kỹ năng thực hành nghề nghiệp giáo viên địa lý, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học trong nghiên cứu và giảng dạy địa lý ở trường trung học đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành và hội nhập quốc tế;

d. Rèn luyện cho sinh viên vận dụng hiệu quả các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự định hướng, lập kế hoạch, thuyết trình, phản biện, phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề trong học tập và nghiên cứu địa lý ở trường phổ thông và các bậc học cao hơn;

đ. Hình thành cho sinh viên những phẩm chất, tác phong sư phạm, đạo đức nghề nghiệp phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo Sư phạm Địa lý trình độ đại học, người học có khả năng:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội và tâm lý, kỹ năng mềm, khởi nghiệp và pháp luật;

b. Trình bày được những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Tổng hợp được kiến thức về giáo dục học, tâm lý học, phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, quản lý hành chính Nhà nước về giáo dục làm nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu về công tác giáo dục Địa lý ở nhà trường trung học phổ thông;

b. Tổng hợp được kiến thức về toán ứng dụng, bản đồ, các khoa học Trái Đất, địa lý kinh tế - xã hội cơ bản làm nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu khối kiến thức chuyên ngành Địa lý phù hợp với các mảng kiến thức được giảng dạy trong chương trình giáo dục Địa lý phổ thông.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

a. Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành về địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội thế giới và Việt Nam trong giảng dạy Địa lý phổ thông và học tập, nghiên cứu ở các bậc học cao hơn;

b. Vận dụng kiến thức chuyên ngành Sư phạm Địa lý trong thực hiện nghiên cứu khoa học (luận văn, tiểu luận...) đáp ứng các quy định của nhà trường;

c. Vận dụng được các kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong dạy học Địa lý;

d. Xác định được vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp; vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong việc giáo dục học sinh.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

a. Tìm kiếm, xử lý và chọn lọc các thông tin địa lý đại cương, địa lý thế giới và Việt Nam phù hợp cho công tác học tập, nghiên cứu và giảng dạy Địa lý phổ thông;

b. Thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh phù hợp với chương trình giáo dục Địa lý phổ thông;

c. Ứng dụng thành thạo các thành tựu về khoa học công nghệ trong thiết kế, tổ chức dạy học, giáo dục và kiểm tra đánh giá môn Địa lý phổ thông.

2.2.2 Kỹ năng mềm

a. Sử dụng được một ngoại ngữ ở trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1, khung Châu Âu), kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản trong nâng cao chất lượng giảng dạy Địa lý ở trường phổ thông, nghiên cứu chuyên môn, giao tiếp và trao đổi quốc tế;

b. Tự lập kế hoạch, giao tiếp, làm việc nhóm, phản biện và giải quyết vấn đề hiệu quả trong quá trình học tập và nghiên cứu chuyên ngành Sư phạm Địa lý.

2.3 Thái độ/ Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Tuân thủ pháp luật, các quy định của Nhà trường và lớp học; tham gia tích cực công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân;

b. Cầu thị, hợp tác và giúp đỡ người khác trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề;

- Nghiên cứu viên tại các trung tâm, viện nghiên cứu giáo dục;

- Hướng dẫn viên du lịch tại các công ty du lịch.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ ngành Địa lý tự nhiên, Địa lý học (Địa lý du lịch, Địa lý kinh tế - xã hội), Lý luận và phương pháp dạy học Địa lý, Giáo dục, Quản lý giáo dục ở trong và ngoài nước, và các ngành có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo;

- Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học cấp sơ sở và tham gia đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp cao hơn trong lĩnh vực giảng dạy và giáo dục.

5. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

- Kế hoạch số 1138/KH ĐHCT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 48;

- Luật Giáo dục Đại học (Luật số: 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018); Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình các môn học của Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2018; Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Chương trình đào tạo các ngành sư phạm Địa lý của Trường ĐHSP Hà Nội, ĐHSP TPHCM và Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên;

- Các chương trình đào tạo của Đại học Sydney (Úc), Viện Giáo dục Quốc tế (Singapore), và các Trường Sư phạm của Hàn Quốc;

- Chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành Sư phạm Đào tạo giáo viên Trung học phổ thông - Dự án Phát triển giáo viên Trung học Phổ thông- Trung cấp chuyên nghiệp (Bộ Giáo dục Đào tạo và ADB-2012).

6. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương											
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành			
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bố trí theo nhóm ngành			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10 AV hoặc PV	60				I,II,III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I,II,III	
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001		I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002		I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003		I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45			FL007		I,II,III	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3		45			FL008		I,II,III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III	
19	TN034	Thực hành Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
26	ML007	Logic học đại cương	2			30				I,II,III
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2		2	30				I,II,III
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
31	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
32	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
33	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III
Cộng: 41 TC (Bắt buộc 26 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
34	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		I,II
35	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		I,II
36	SG114E	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2			30		SP079		I,II
37	SG394E	Giáo dục hòa nhập	2		2	30				I,II
38	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	2			30				I,II,III
39	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30	SP079		I,II
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục	2	2		15	30			I,II
41	SG316	Trắc địa cơ bản	2	2		15	30			I,II
42	SG130	Bản đồ học	3	3		15	60			I,II
43	SG433	Toán ứng dụng cho Địa lý	3	3		45				I,II
44	SP015	Địa chất đại cương	2	2		15	30			I,II
45	SG317	Khoa học Trái Đất	2	2		30				I,II
46	SG318	Thạch quyển	2	2		30				I,II
47	SG319	Khí quyển	2	2		30				I,II
48	SG320	Thủy quyển	2	2		30				I,II
49	SG321	Thổ nhưỡng quyển	2	2		30				I,II
50	SG322	Sinh quyển	2	2		30				I,II
51	SG314E	Dân số và phát triển	2		2	30				I,II,III
52	SG315E	Di cư an toàn	2			30				I,II,III
53	SG325	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	4	4		60				I,II
54	SG011E	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				I,II,III
Cộng: 41 TC (Bắt buộc 37 TC; Tự chọn: 04 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
55	SP220E	Anh văn chuyên môn Địa lý	2		2	30		XH025		I,II
56	XH018	Pháp văn chuyên môn - KHXH	2			30		FL003		I,II
57	SG420	Lý luận dạy học Ngữ văn và Khoa học xã hội	2		2	30				I,II
58	SG110	Nguyên lý dạy học Địa lý	2			30				I,II
59	SG111	Phương pháp dạy học Địa lý	2	2		15	30	SP079		I,II
60	SG429	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ văn và Khoa học xã hội	2		2	30		SP010		I,II
61	SG305	Thiết kế chương trình Địa lý	2			30		SG110		I,II
62	SG423	Đánh giá kết quả học tập Ngữ văn và Khoa học xã hội	2		2	15	30	SP079		I,II
63	SG307	Đánh giá kết quả học tập Địa lý	2			15	30	SG110		I,II
64	SG308	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lý	2	2		15	30			I,II
65	SG309	Tập giảng Địa lý	2	2			60	SP480		I,II
66	SG312	Kỹ thuật dạy học Địa lý	3	3		15	60	SG420		I,II
67	SP597	Kiên tập sư phạm	2	2			60	SP079		I
68	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	SG309, SP597		II
69	SP477	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3	3		45		SG317		I,II
70	SG323	Địa lý tự nhiên các châu 1	2	2		30		SG317		I,II
71	SG324	Địa lý tự nhiên các châu 2	2	2		30		SG317		I,II
72	SG327	Hệ thống tin địa lý - GIS	3	3		15	60	SG130		I,II
73	SP480	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	4	4		60				I,II
74	SP481	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	3	3		45				I,II
75	SP482	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2	3	3		45				I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
76	SG326	Thực tế ngoài trường địa lý	3	3			90	SP480		I,II	
77	SP473	Địa lý du lịch	2	2		15	30			I,II	
78	SG329E	Dân cư và môi trường Đồng bằng sông Cửu Long	2		2	30				I,II	
79	SG457	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Địa lý	2			15	30			I,II	
80	SP493	Luận văn tốt nghiệp - Địa lý	10		10		300	≥ 105 TC		I,II	
81	SP492	Tiểu luận tốt nghiệp - Địa lý	4				120	≥ 105 TC		I,II	
82	SP016	Địa danh Việt Nam	2			15	30			I,II,III	
83	SG331E	Di sản thế giới	2			30				I,II,III	
84	SG332E	Địa lý Đông Nam Á	2			30				I,II,III	
85	SP017	Địa lý chính trị	2			30				I,II,III	
86	SG359E	Địa lý cảnh quan	2			30				I,II,III	
87	SG356E	Sử dụng số liệu thống kê trong dạy học địa lý	2			15	30			I,II,III	
Cộng: 59 TC (Bắt buộc: 39 TC; Tự chọn: 20 TC)											
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 102 TC; Tự chọn: 39 TC)											

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

Trần Trung Tính

KHOA SƯ PHẠM
TRƯỞNG KHOA

Huỳnh Anh Huy